

## KẾ HOẠCH

### Triển khai thu, cơ chế quản lý thu chi các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục học sinh năm học 2024 - 2025

Căn cứ Công văn số 4916/BGDĐT-KHTC ngày 30/8/2024 của Bộ giáo dục và Đào tạo về việc thực hiện các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo năm học 2024-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Sửa đổi, bổ sung Điều 3 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND ngày 19/7/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Quy định mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng từ năm học 2024 – 2025;

Căn cứ Công văn số 2773/SGDĐT-KHTC ngày 12/9/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo về tăng cường công tác quản lý các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo năm học 2024-2025 sau bão số 3 (Yagi);

Căn cứ Công văn số 297/BHXXH ngày 01/8/2024 của Bảo hiểm xã hội huyện Thủy Nguyên về việc hướng dẫn triển khai công tác thu BHYT học sinh năm học 2024-2025;

Căn cứ Biên bản thỏa thuận giữa CMHS và nhà trường và Biên bản họp ngày 15/9/2024 giữa Ban chi hội CMHS các lớp và nhà trường;

Căn cứ nhiệm vụ năm học 2024-2025 và tình hình thực tế, Trường THPT Lý Thường Kiệt triển khai kế hoạch thu-chi các khoản thu năm học 2024 - 2025 như sau:

#### 1. Học phí

Thực hiện theo Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND ngày 19/7/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng từ năm học 2024 – 2025;

##### 1.1. Mức thu học phí năm học 2024 - 2025:

Đơn vị: nghìn đồng/học sinh/tháng

STT	Cấp học	Thành thị	Nông thôn	Dân tộc thiểu số và miền núi
1	Mầm non:			
	- Nhà trẻ	203	92	62
	- Mẫu giáo	203	85	62
2	Trung học cơ sở	92	62	62
3	Trung học phổ thông	125	77	62



**1.2. Chế độ miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, quản lý, sử dụng học phí thực hiện theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ và Nghị quyết số 54/2019/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân thành phố về chính sách hỗ trợ học phí cho học sinh từ bậc học mầm non đến trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Hải Phòng.**

**1.3. Sử dụng học phí số thu học phí là một trong các khoản thu xác định mức tự chủ tài chính của đơn vị theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập. Theo đó, các cơ sở giáo dục công lập căn cứ phương án tự chủ tài chính được cấp có thẩm quyền phê duyệt để sử dụng số thu học phí theo quy định. Đồng thời, lưu ý sử dụng tối thiểu 40% số chênh lệch thu lớn hơn chi để tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương (sau khi đã thực hiện các nghĩa vụ với Nhà nước theo quy định).**

## **2. Học thêm**

Căn cứ Thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT ngày 16/5/20127 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành quy định về dạy thêm, học thêm; Công văn số 2533/SGDĐT-KHTC ngày 22/8/2024 của Sở GD&ĐT Hải Phòng về thực hiện các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo năm học 2024-2025; Công văn 146/SGDĐT-TTr ngày 14/2/2017 về Hướng dẫn thực hiện quy định dạy thêm, học thêm của Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng; Công văn 2716/SGDĐT-GDTrH ngày 03/10/2024 về việc tăng cường công tác quản lý, chấn chỉnh hoạt động dạy thêm, học thêm từ năm học 2023-2024, và các văn bản quy định về dạy thêm, học thêm hiện hành.

Mức thu: Từ 9.000đ đến 10.000đ/tiết/học sinh bảo đảm mức thu/tháng/học sinh

Phương án thu: Thu theo tháng qua VietinBank Efast; thực hiện chế độ miễn học sinh là con CB, GV, NV nhà trường, học sinh hộ nghèo, hộ cận nghèo, khuyết tật và học sinh có hoàn cảnh khó khăn.

- Dự kiến thu:  $9.000đ \times 36 \text{ tiết} \times 1.660 \text{ học sinh} = 537.840.000đ/\text{tháng}$

- Dự kiến chi:

+ Thuế TNDN 2%

+ Số thu còn lại (98%) được phân bổ như sau:

(1) Chi 70%: Tiền lương đối với công việc giảng dạy, công tác chủ nhiệm;

(2) Chi 6-9%: Chi phúc lợi tập thể;

10  
UC  
HOC  
LƯU  
\*



(2) Chi 6-9%: Tăng cường CSVC và các khoản động khác;

(3) Chi 12%: Chi tiền công tác quản lý tài chính, quản lý chuyên môn, công tác chuyên môn.

### **3. Các khoản thu theo quy định**

Thực hiện theo quy định tại Điều 1, Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Sửa đổi, bổ sung Điều 3 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

#### **3.1. Thu tiền trông coi xe học sinh:**

Học sinh có nhu cầu đăng ký theo tháng (dưới 15 ngày được tính mức thu bằng 50%, trên 15 ngày đến dưới 01 tháng được tính bằng 100% mức thu/tháng được quy định tại Nghị quyết 08/2023/NQ-HĐND).

- Học sinh sử dụng dịch vụ trông xe với loại xe phù hợp với lứa tuổi theo quy định của pháp luật.

- Xe đạp thường: 30.000đ/tháng

- Xe máy; xe điện: 50.000đ/xe/tháng

Phương án thu: Thu theo tháng qua VietinBank eFAST

Dự kiến thu: Xe máy, xe điện: 50.000đ/tháng x 1235 hs= 57.000.000đ/ tháng

Xe đạp: 30.000đ/tháng x 80 hs = 2.400.000đ/ tháng

Tổng thu: 59.400.000đ/ tháng

Dự kiến chi: - Nộp 5% thuế GTGT, 5% thuế TNDN: 5.940.000đ

- Chi trả công coi xe, mua vật tư, CCDC, tăng cường CSVC phục vụ trực tiếp cho việc trông giữ xe.

#### **3.2. Nước uống cho học sinh (Dịch vụ nước uống tinh khiết đến tận lớp học):**

Mức thu: 10.000đ/tháng/học sinh

Phương án thu: Thu theo học kỳ

Dự kiến thu HK I: 10.000đ/thángx4 tháng x 1.660học sinh=6.640.000đ/học kỳ.

Dự kiến thu HK II: 10.000đ/thángx5tháng x 1.660học sinh=83.000.000đ/học kỳ.

Khoản chi: Chi mua nước uống cho học sinh, kiểm định chất lượng nước.

### **4. Các khoản thu hộ**

#### **4.1. Bảo hiểm y tế học sinh:**



Thu theo Công văn số 297/BHXX ngày 01/8/2024 của Bảo hiểm xã hội huyện Thủy Nguyên về việc hướng dẫn triển khai công tác thu BHYT học sinh năm học 2024-2025;

Số tiền học sinh phải đóng:  $2.340.000đ \times 4,5\% \times 1\text{tháng} \times 70\% = 73.710 \text{đ}/\text{tháng}$

Mức thu BHYT hạn thẻ 9 tháng Khối 12: 663.390đ (từ 01/01/2025 đến 30/09/2025)

Mức thu BHYT hạn thẻ 12 tháng Khối 10,11: 884.520đ (từ 01/01/2025 đến 31/12/2025)

Dự kiến: Thu- chi theo thực tế số học sinh tham gia và nộp về Bảo hiểm xã hội huyện Thủy Nguyên

**(\*)Lưu ý:** Đối tượng học sinh được xét duyệt thuộc hộ gia đình nghèo, cận nghèo, bảo trợ xã hội, con lực lượng công an, quốc phòng không tham gia BHYT ở đối tượng học sinh.

#### **4.2. Bảo hiểm toàn diện:**

Do CMHS tự nguyện và lựa chọn mức tham gia với công ty Bảo hiểm:

Mức tham gia: 150.000đ/học sinh/năm học (thời gian thực hiện: K10 từ 01/9/2024 đến 31/8/2025; K11, K12 từ 10/9/2024 đến 09/9/2025).

- Điều kiện A: Trường hợp chết do ốm đau, bệnh tật mức trách nhiệm bảo hiểm 20.000.000đ/học sinh

- Điều kiện B: Trường hợp chết hoặc thương tật thân thể do tai nạn mức trách nhiệm bảo hiểm 30.000.000đ/học sinh.

#### **4.3. Tin nhắn, số liên lạc điện tử:**

Do CMHS đăng ký với eNetViet;

Mức tham gia: 150.000đ/học sinh/năm học;

Thực hiện chế độ miễn, giảm cho học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, giảm 50% cho trường hợp có từ 2 anh chị em đang học tập tại trường.

#### **5. Các khoản dịch vụ phục vụ hỗ trợ cho học sinh học tập, sinh hoạt**

- Quần áo đồng phục học sinh, sách, vở: Ban đại diện cha mẹ học sinh thống nhất về mẫu mã kiểu dáng, chất lượng và giá cả. Thông báo công khai đến học sinh và phụ huynh, học sinh nào có nhu cầu thì thực hiện trên tinh thần tự nguyện đăng ký.

- Kinh phí hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh do Ban đại diện CMHS nhà trường thống nhất với CMHS các lớp tại cuộc họp toàn thể CMHS đầu năm, trên cơ sở Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của bộ trưởng bộ GD&ĐT về điều lệ ban ĐDCMHS và dự kiến các hoạt động của Ban đại diện CMHS nhà trường.

Kinh phí hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh các lớp do sự ủng hộ tự nguyện của cha mẹ học sinh. Kinh phí hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh trường, được trích từ kinh phí hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh các lớp.

Việc chi tiêu được lập kế hoạch và thông qua trong cuộc họp cha mẹ học sinh đầu năm học và công khai kết quả sử dụng kinh phí tại Hội nghị Ban đại diện cha mẹ học sinh.

#### **6. Phân kỳ các khoản thu, chế độ miễn giảm**

- Nhà trường không tập trung các khoản thu vào đầu năm học, mà chia thành nhiều đợt trong năm học để tránh cho các gia đình phải có những khoản chi đột biến vào đầu năm học, đồng thời phải phù hợp với điều kiện KT-XH của địa phương

- Nhà trường thực hiện chế độ miễn giảm cho học sinh là con CBGV-NV, học sinh diện chính sách, hộ cận nghèo, hộ nghèo, mồ côi cha mẹ, học sinh khuyết tật và học sinh có hoàn cảnh gia đình khó khăn để đảm bảo an sinh xã hội./.

#### **Nơi nhận:**

- Sở GDĐT(báo cáo);
- Ban đại diện CMHS(Phối hợp);
- CBGV, NV (Thực hiện);
- Công khai trên cổng thông tin điện tử;
- Lưu hồ sơ.

  
**HIỆU TRƯỞNG**  
**Nguyễn Xuân Hòa**

